TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/DS-PT
Ngày 12 tháng 9 năm 2023
V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- T4 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Thẩm phán: Ông Lưu Toàn Nghĩa và ông Phạm Ngọc T4

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa***:

Ông Phạm Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 18/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế". Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phí Thị H, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phí Chí B, sinh năm 1954; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Ông Nguyễn Mạnh Hà, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ 10, phường Đằng Hải, quận Hải An, T4 phố Hải Phòng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1959 (vợ ông B); nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

3.2. Bà Phí Thị Y, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

3.3. Ông Phí Văn T, sinh năm 1971; nơi cư trú: 3065/17, đường P, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3.4. Chị Bùi Thị T1, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

3.5. Anh Bùi Hồng Q, sinh năm 1975; nơi cư trú: 12/2, đường số 2, khu phố 3, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3.6. Anh Bùi Xuân T3, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

3.7. Chị Bùi Thị Thu C, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 47B, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

3.8. Anh Bùi Minh C1, sinh năm 1984; nơi cư trú: 4/5C 1 Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

3.9. Anh Nhâm Gia H2, sinh năm 1984.

3.10. Anh Nhâm Gia H1, sinh năm 1989.

Đều cùng địa chỉ: Số 29D, đường số 12, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Anh H2, anh H1 vắng mặt.

3.11. Chị Phí Thị N, sinh năm 1987.

3.12. Anh Phí Chí N1, sinh năm 1988.

Đều cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Chị N, anh N1 vắng mặt.

3.13. Anh Phí Văn N2, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

3.14. Bà Phí Thị V, sinh năm 1960 (vợ ông M); Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

3.15. Bà Khổng Thị T4, sinh năm 1961; nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

3.16. Chị Khổng Thị N3, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

3.17. Bà Trần Thị T5, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

3.18. Chị Nhâm Thị H3, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, thành phố Th, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phí Văn T, anh Bùi Hồng Q, chị Bùi Thị Thu C, anh Bùi Minh C1, anh Nhâm Gia H2, anh Nhâm Gia H1, chị Phí Thị N là bà Phí Thị H (nguyên đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* *N2 đơn* - bà Phí Thị H trình bày: Bố mẹ bà là cụ Phí Chí N4 (tên thường gọi là Phí Văn T6), sinh năm 1916, chết năm 1991 và cụ Hoàng Thị Đ, sinh năm 1928, chết năm 2006, sinh được 07 người con gồm: Bà Phí Thị C2, bà Phí Thị H4, ông Phí Văn M (Phí Chí M), ông Phí Chí B, bà Phí Thị H, bà Phí Thị Y, ông Phí Văn T. Cụ N4, cụ Đ không có con nuôi, con riêng và không có người mà hai cụ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Cụ N4, cụ Đ chết không để lại di chúc và chưa chia tài sản cho ai.

Bà Phí Thị C2, sinh năm 1949, chết năm 2012 có chồng là ông Bùi Văn C3, chết năm 2014. Bà C2 và ông C3 có 05 người con là: chị Bùi Thị T1, anh Bùi Hồng Q, anh Bùi Xuân T3, chị Bùi Thị Thu C, anh Bùi Minh C1. Bà C2 không có con nuôi, con riêng nào khác.

Bà Phí Thị H4, sinh năm 1962, chết năm 1993 có chồng là ông Nhâm Gia L, chết năm 2001. Bà H4 và ông L có 02 người con là anh Nhâm Gia H2, anh Nhâm Gia H1. Bà H4 không có con nuôi, con riêng nào khác. Sau khi bà H4 chết, năm 1995 ông Nhâm Gia L kết hôn với bà Trần Thị T5. Ông Lý và bà T5 sinh được 01 người con chung là Nhâm Thị H3.

Ông Phí Văn M, sinh năm 1965, chết năm 2001 có vợ là bà Phí Thị V, sinh năm 1960. Bà V bỏ đi biệt tích khỏi nơi cư trú từ năm 1990 đến nay không ai có tin tức gì của bà V. Ông M và bà V có 02 người con là chị Phí Thị N, anh Phí Chí N1. Từ năm 1991, ông M chung sống như vợ chồng với bà Khổng Thị T4 và có 02 người con là anh Phí Văn N2, chị Khổng Thị N3. Ông M không còn người con riêng, con nuôi nào khác. Trong giấy khai sinh của chị Khổng Thị N3 tại mục người cha để trống là do bà T4 và ông M không phải là vợ chồng nên không ghi tên cha, nên chị N3 mang họ Khổng là họ bà T4.

Trước khi chết cụ N4, cụ Đ có để lại di sản tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình gồm: 295m^2 đất ở thuộc thửa số 286, 330m^2 đất ao thuộc thửa 287 theo bản đồ 299 và 504m^2 đất nông nghiệp. Trên phần diện tích đất ở có ngôi nhà cấp 4 gồm: 4 gian lợp ngói mũi, 3 gian nhà bếp. Khối tài sản của cụ N4, cụ Đ không ai có đóng góp gì.

Năm 2006, ông Phí Chí B đã phá dỡ 03 gian nhà bếp mà chưa được sự đồng ý của anh em bà, còn 04 gian nhà ngói mũi vẫn sử dụng để thờ cúng tổ tiên. Tháng 3/2020, nhà xuống cấp bị đổ, tháng 8/2020, ông B đồng ý cho làm nhà thờ bằng bê tông cốt thép, ông B không đóng góp kinh phí với điều kiện là phải để lại một gian

nhà cũ của bố mẹ để lại, cụ thể là gian buồng giáp nhà ông B có chiều dài là 4m, rộng 2,5m ông B được toàn quyền sử dụng.

Anh em bà khởi công xây dựng nhà thờ từ tháng 8/2020, đến tháng 11/2020 ông B làm ngõ tự ý lấn sang phần đất của bố mẹ, chiều dài khoảng 18m, rộng 50cm và đuổi thợ về không cho xây dựng nhà thờ, tự ý rào cổng không cho chị em bà vào. Nhà thờ xây dựng trên đất của bố mẹ bà hết khoảng 400.000.000 đồng do ông T là người đứng lên xây dựng, bà góp 50.000.000 đồng, bà Y góp 5.000.000 đồng, còn lại là tiền của ông T. Các con cháu khác thì cúng tiến đồ thờ không tách bạch được của từng người.

Các công trình xây dựng của cụ N4, cụ Đ do lâu ngày bị hư hỏng đã bị dỡ bỏ không còn, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà xác định ông B là người xây tường bao, bờ ao, cầu ao và trồng toàn bộ các cây trên đất như biên bản định giá tài sản. Đất ở, đất ao, đất nông nghiệp của cụ N4, cụ Đ do ông B quản lý từ năm 2006. Ông B cho rằng ao của bố mẹ bà 330m^2 trong đó có của ông 165m^2 là không đúng, bà không đồng ý.

Bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phí Chí N4 và cụ Hoàng Thị Đảo tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình gồm: Đất ở 295m^2 thuộc thửa số 286, 330m^2 đất ao thuộc thửa 287 theo bản đồ 299 và đất ruộng theo quy định của pháp luật. Phần di sản thừa kế là đất ở và đất ao của bà và những người ủy quyền cho bà đều hiến làm nhà thờ, đề nghị Tòa án giao đồng sử dụng chung và giao cho ông T là người trực tiếp quản lý. Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết 5.000.000 đồng bà Y góp làm nhà thờ nhưng bà tự nguyện trả lại bà Y 5.000.000 đồng. Đối với đất nông nghiệp, đề nghị Tòa án giao cho anh N2 sử dụng, bà tự nguyện thanh toán chênh lệch tài sản bằng tiền cho các thừa kế khác và thanh toán chênh lệch tài sản thay anh N2 đối với diện tích đất nông nghiệp anh N2 được hưởng. Bà nhận chịu tiền chi phí đo đạc thẩm định và định giá tài sản, tự nguyện chịu toàn bộ án phí cho ông Phí Văn T, chị Bùi Thị T1, anh Bùi Hồng Q, anh Bùi Xuân T3, chị Bùi Thị Thu C, anh Bùi Minh C1, anh Nhâm Gia H2, anh Nhâm Gia H1, chị Phí Thị N, anh Phí Văn N1, bà Phí Thị V, anh Phí Văn N2. Đề nghị Tòa án kéo thẳng đất về phía Đông của thửa 272 xuống phía Nam giáp thửa 271 nhà ông Nhâm Sỹ Xứng chia cho ông B phần đất ở giáp nhà ông B. Bà có nộp sản cũ 486,6 kg thóc tương đương với 2.919.800 đồng và 27.100 đồng tiền kênh mương đối ứng. Đây là khoản nợ từ năm 2006 trở về trước, thời điểm đó bà Đảo còn sống. Bà xác định bà cho cụ Đ toàn bộ số tiền bà đã nộp. Bà không có yêu cầu gì. Đối với quỹ thiên tai và phòng chống thiên tai của chị Phí Thị N bà đã nộp, bà xác định bà cho chị N, không yêu cầu gì. Số tiền 155.400 đồng bà nộp sản năm 2022 thời điểm này ông B là người

quản lý ruộng của cụ Đ nên bà yêu cầu ông B trả lại bà 155.400 đồng. Bà cam kết không còn ai trong hàng thừa kế.

* *Bị đơn ông Phí Chí B trình bày:* Ông thống nhất với trình bày của N2 đơn về di sản thừa kế, thời điểm mở thừa kế, diện hàng thừa kế của bố mẹ ông là cụ Phí Chí N4 (Phí Văn T6) và cụ Hoàng Thị Đ nhưng ông không đồng ý chị N3 là con của ông M.

Trước khi chết bố mẹ ông có để lại di sản tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình gồm: 295m^2 đất ở thuộc thửa số 286, 330m^2 đất ao thuộc thửa 287 theo bản đồ 299 và khoảng hơn 400m^2 đất nông nghiệp. Trên phần diện tích đất ở có ngôi nhà cấp 4 gồm 4 gian lợp ngói mũi, 3 gian nhà bếp. Khối tài sản của cụ N4, cụ Đ không ai có đóng góp gì. Bố mẹ ông chết không có di chúc và cũng chưa chia cho ai. Các công trình trên đất đã bị hỏng do thời gian đã lâu. Hiện ông T, bà H tự ý xây 3 gian nhà thờ trên đất của bố mẹ mà không được sự đồng ý của ông. Đất ở, đất ao, đất nông nghiệp của cụ N4, cụ Đ do ông quản lý từ năm 2006. Ông là người xây tường bao, bờ ao, cầu ao và trồng toàn bộ các cây trên đất như biên bản định giá tài sản. Năm 2020, ông có sửa lại ngõ đi và mở rộng ngõ sang phần diện tích đất ở của bố mẹ ông khoảng hơn 20m^2 về phía Tây Bắc của thửa đất ở của bố mẹ ông. Đối với phần ngõ đi chung năm 2020 để mở rộng ngõ đi ông đã xây tường bao lấn vào diện tích đất ao và đất ở của bố mẹ ông chiều rộng khoảng 50 cm, khi mở rộng ngõ ông không hỏi ai.

Ông đồng ý chia di sản thừa kế của bố mẹ ông như bà H trình bày. Ông xin sử dụng đất không nhận tiền. Đất ao, đất nông nghiệp của bố mẹ do ông quản lý, canh tác, hiện ao ông đang thả cá. Tường bao có lưới B40 ông xây trên đất của bố mẹ ông, Tòa án giao quyền sử dụng đất cho ai thì người đó được hưởng, ông không yêu cầu phải thanh toán tiền cho ông. Toàn bộ các cây cối ông trồng trên đất ông tự nguyện thu dỡ để trả lại mặt bằng đất. Trong thời gian ông quản lý đất của bố mẹ ông không đôn lấp gì. Ông không yêu cầu các đồng thừa kế khác phải thanh toán tiền quản lý di sản. Đối với đất ao, đất ở ông xin sử dụng. Đối với đất nông nghiệp ông đồng ý giao cho anh N2 có quyền sử dụng. Ông đồng ý nhận phần di sản thừa kế theo pháp luật của bà Y cho ông, ông tự nguyện chịu án phí cho bà Y. Đối với diện tích đất ở phần đất giáp nhà ông, ông đề nghị chia thẳng phần đất mà trước đó ông đã mở ngõ riêng cho gia đình. Thửa đất ao mang tên cụ Đ có 165m^2 là của ông. Nhưng ông không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh 165m^2 ao này là của ông. Số tiền 155.400 đồng bà H nộp sản năm 2022 thời điểm này ông là người quản lý ruộng của cụ Đ nên ông đồng ý trả lại bà H 155.400 đồng. Ông cam kết không còn ai trong hàng thừa kế.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phí Văn T trình bày:*

Bà Phí Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ ông là cụ Phí Chí N4 và cụ Hoàng Thị Đ tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình gồm: 295m^2 đất ở thuộc thửa số 286, 330m^2 đất ao thuộc thửa 287 theo bản đồ 299 và diện tích đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật ông đồng ý.

Ông T khai thống nhất với lời khai của bà H về họ tên bố mẹ và các anh chị em, các cháu trong gia đình và di sản bố mẹ để lại. Bố mẹ ông chết không có di chúc và cũng chưa chia cho ai. Nhà thờ xây dựng trên đất của bố mẹ ông hết khoảng 400.000.000 đồng do ông là người đứng tên xây dựng và bỏ tiền, bà H góp 50.000.000 đồng và tiền công thợ xây dựng, bà Y góp 5.000.000 đồng. Các con cháu khác thì cúng tiến đồ thờ không tách bạch được của từng người. Hiện đất ở, đất ao, đất nông nghiệp của cụ N4, cụ Đ do ông B quản lý từ năm 2006. Ông B quản lý đất thì đã được thu hoạch hoa màu nên ông không đồng ý thanh toán tiền quản lý di sản cho ông B. Ông B cho rằng ao của bố mẹ ông 330m^2 trong đó có của ông B 165m^2 là không đúng, ông không đồng ý. Ông là người đứng lên xây nhà thờ và bỏ tiền xây dựng nhà thờ trên đất ở của bố mẹ. Ông đề nghị Tòa án giao đất ở của bố mẹ cho ông. Ông có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho các thừa kế khác. Ông cam kết không còn ai trong hàng thừa kế.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Phí Thị Y trình bày:*

Bố mẹ bà là cụ Phí Chí N4, đã chết năm 1991 và cụ Hoàng Thị Đ, đã chết năm 2006. Bố mẹ bà sinh được 07 người con, trong đó có 03 anh chị em đã chết gồm bà Phí Thị C2, bà Phí Thị H4, ông Phí Văn M. Còn lại 04 người gồm: ông Phí Chí B, bà Phí Thị H, bà và em trai Phí Văn T. Bố mẹ không ai có con riêng, không nhận con nuôi nào khác. Bố mẹ bà chết không để lại di chúc. Năm 2020, ngôi nhà cấp 4 bị sập, đổ nên bà H, ông T xây dựng nhà thờ trên nền ngôi nhà cũ của bố mẹ, bà có đóng góp 5.000.000 đồng.

Bà H yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ bà là cụ Phí Chí N4 và cụ Hoàng Thị Đ gồm: 295m^2 đất ở thuộc thửa số 286; 330m^2 đất ao thuộc thửa 287 theo bản đồ 299 và 504m^2 đất nông nghiệp bà cũng đồng ý. Bà Y đề nghị phần di sản thừa kế được chia, bà nhường lại cho ông Phí Chí B là anh trai cả của bà. Mọi việc liên quan đến giải quyết tranh chấp thừa kế của bố mẹ bà, bà đã ủy quyền cho ông Phí Chí B, vì điều kiện xa xôi, công việc và sức khỏe bà không thể tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Bùi Thị T1, anh Bùi Xuân T3, anh Bùi Minh C1, chị Bùi Thị Thu C, anh Nhâm Gia H2, anh Nhâm Gia H1, anh Phí Văn N2 trình bày:*

Các anh chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phí Thị H về việc chia di sản thừa kế của cụ Phí Chí N4 và cụ Hoàng Thị Đ theo quy định của pháp luật. Di sản thừa kế gồm: 295m^2 đất ở thuộc thửa số 286; 330m^2 đất ao thuộc thửa 287 theo bản đồ 299 và diện tích đất nông nghiệp tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Mẹ của chị Bùi Thị T1, anh Bùi Xuân T3, anh Bùi Minh C1, chị Bùi Thị Thu C là bà Phí Thị C2; mẹ của anh Nhâm Gia H2, anh Nhâm Gia H1 là bà Phí Thị H4; bố anh Phí Văn N2 là ông Phí Văn M. Các anh chị khai thống nhất với lời khai của bà H về họ tên ông bà, bố mẹ, các bác, các chú, các cậu, các dì, các anh chị em trong gia đình và di sản ông bà để lại. Nhà thờ xây dựng trên đất của ông bà ngoại hết khoảng 400.000.000 đồng do ông T là người đứng lên xây dựng, bà H có góp 50.000.000 đồng, bà Y góp 5.000.000 đồng còn lại là tiền của ông T. Các con cháu khác thì cúng tiến đồ thờ không tách bạch được của từng người. Ông B là người xây tường bao, bờ ao, cầu ao và trồng toàn bộ các cây trên đất như biên bản định giá tài sản. Hiện đất ở, đất ao, đất nông nghiệp của cụ N4, cụ Đ do ông B quản lý từ năm 2006. Ông B quản lý đất thì đã được thu hoạch hoa màu nên không đồng ý thanh toán tiền quản lý di sản cho ông B. Các anh chị cam kết không còn ai trong hàng thừa kế.

Chị Bùi Thị T1, anh Bùi Xuân T3, anh Bùi Minh C1, chị Bùi Thị Thu C, anh Phí Văn N2 hiến kỷ phần thừa kế đất ở, đất ao làm nhà thờ mọi người cùng sử dụng chung và ông T là người quản lý trực tiếp đất ở, đất ao và các tài sản trên đất. Anh Nhâm Gia H2, anh Nhâm Gia H1 hiến kỷ phần thừa kế của mình được hưởng để làm nhà thờ, các anh trực tiếp quản lý. Đối với đất nông nghiệp các anh chị đề nghị giao cho anh N2 sử dụng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Phí Chí N1 trình bày:*

Bố mẹ anh là ông Phí Văn M, sinh năm 1965, đã chết năm 2001 và bà Phí Thị V, sinh năm 1960, sinh được 02 con là chị Phí Thị N và anh. Mẹ anh bỏ đi khi anh còn nhỏ. Bố anh lấy bà Khổng Thị T4 và có 02 người con là Phí Văn N2 và Khổng Thị N3. Cụ N4, cụ Đ là ông bà nội anh sinh được 07 người con tên, tuổi, năm sinh như bà H trình bày là đúng.

Anh có nghe bà H và các cô nói ông bà nội anh có để lại 295m^2 đất ở thuộc thửa số 286; 330m^2 đất ao thuộc thửa 287 theo bản đồ 299 và 504 m^2 đất nông nghiệp. Trên phần diện tích đất ở có ngôi nhà cấp 4 gồm 4 gian lợp ngói mũi, 3 gian nhà bếp. Từ nhỏ anh sống với bà ngoại nên không biết tài sản của ông bà nội để lại do ai quản lý. Anh không đóng góp gì vào tài sản ông bà để lại và cũng không biết trên đất ông bà để lại những gì. Việc các bác các chú khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông bà nội anh không có ý kiến gì. Tòa án chia di sản thừa kế của

ông bà nội cho ai anh không quan tâm. Anh đề nghị Tòa án cho anh vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Khổng Thị T4 trình bày:*

Từ năm 1991, ông Phí Văn M chung sống như vợ chồng với bà nhưng không đăng ký kết hôn. Ông M và bà sinh được 02 người con là Phí Văn N2, sinh năm 1996 và Khổng Thị N3, sinh năm 1995. Chị N3 mang họ Khổng và trong giấy khai sinh không thể hiện là con ông M là do thời điểm đó bà và ông M không phải vợ chồng nên giấy khai sinh không thể hiện chị N3 có bố. Bà và ông M không đăng ký kết hôn nên bà từ chối nhận di sản thừa kế của ông M. Bà đề nghị không đưa bà vào tham gia tố tụng và không gửi các giấy tờ cho bà vì bà không liên quan. Chị Khổng Thị N3 là con gái bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gồm thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo yêu cầu chị N3 giám định ADN để xác định cha con với ông Phí Văn M và các văn bản tố tụng khác nhưng chị N3 từ chối nhận di sản thừa kế của ông M và từ chối giám định ADN để xác định cha con với ông M.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị T5 và chị Nhâm Thị H3 trình bày:*

Bà Phí Thị H4 là con của cụ Phí Chí N4 và cụ Hoàng Thị Đ. Bà H4 đã chết năm 1993, có chồng là ông Nhâm Gia L, ông L đã chết năm 2001. Bà H4 và ông Lý có 02 người con là anh Nhâm Gia H2 và anh Nhâm Gia H1. Sau khi bà H4 chết, năm 1995 ông Nhâm Gia L kết hôn với bà Trần Thị T5. Ông L và bà T5 sinh được 01 người con chung là chị Nhâm Thị H3. Bà T5, chị H3 và cụ Phí Chí N4 và cụ Hoàng Thị Đ, bà Phí Thị H4 không có quan hệ huyết thống gì. Bà T5, chị H3 từ chối nhận di sản thừa kế của và đề nghị không đưa bà T5, chị H3 vào tham gia tố tụng và không gửi các giấy tờ vì bà T5, chị H3 không liên quan.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà H Thị T2 trình bày:*

Bà là vợ ông Phí Chí B, mọi lời khai, ý kiến của ông B cũng là lời khai, ý kiến của bà. Bà đề nghị Tòa án hỏi ông B, không hỏi bà.

* Anh Bùi Hồng Q, chị Phí Thị N không có lời khai nhưng có văn bản ủy quyền cho bà Phí Thị H.

Bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

1. Áp dụng: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 156, Điều 165, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650,

Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N2 đơn bà Phí Thị H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phí Chí N4 (tên thường gọi là Phí Văn T6) và cụ Hoàng Thị Đ theo pháp luật.

2.2. Xác định di sản thừa kế của cụ Phí Chí N4 và cụ Hoàng Thị Đ gồm:

- Di sản thừa kế của cụ Phí Chí N4 và cụ Hoàng Thị Đ: Quyền sử dụng diện tích 306.1m^2 đất ở tại thửa đất số 272, tờ bản đồ số 12/DC ở thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, có trị giá 146.928.000 đồng.

- Di sản thừa kế của cụ Hoàng Thị Đ: Quyền sử dụng diện tích 330m^2 đất ao tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 12/DC ở thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, có trị giá 13.860.000 đồng.

- Đất ruộng tiêu chuẩn của cụ Hoàng Thị Đ là 410m^2 trị giá 17.220.000 đồng. Tiêu chuẩn ruộng của cụ Đ với ông M và chị N thuộc 03 xứ đồng: Xứ đồng Hạ Nội 615m^2; xứ đồng Hạ Ngoại 465m^2; xứ đồng Cống Đông 340m^2 không có sự tách bạch của ai ở xứ đồng nào ở thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

- Bể nước 2m^2 trị giá 63.000 đồng.

2.3. Về công sức giữ gìn, tu bổ di sản thừa kế của cụ Phí Chí N4 và cụ Hoàng Thị Đ ở thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình: Trích trong khối di sản thừa kế của cụ Phí Chí N4 và cụ Hoàng Thị Đ cho ông Phí Chí B 10.000.000 đồng tiền công sức giữ gìn, tu bổ di sản thừa kế.

2.4. Chia di sản thừa kế của của cụ Phí Chí N4 và cụ Hoàng Thị Đ cho những người được hưởng thừa kế sau:

2.4.1. Chia cho ông Phí Chí B quyền sử dụng đất ở nằm trong thửa đất ở số 272, tờ bản đồ số 12/DC, bản đồ hiện trạng đo đạc năm 2007 tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, có số đo:

* Phần mở rộng ngõ chung là 14,5 m^2: Phía Tây: Từ điểm C đến điểm J là 1,27m; từ điểm J đến điểm K là 1,34m; phía Bắc: Từ điểm K đến điểm L là 14,53m; Phía Đông: Từ điểm L đến điểm 7 là 0,70m; phía Nam: Từ điểm 1 đến điểm 2 là 1,37m; từ điểm 2 đến điểm 3 là 1,07m; từ điểm 3 đến điểm 4 là 1,34m; từ điểm 4 đến điểm 5 là 3,86m; từ điểm 5 đến điểm 6 là 4,75m; từ điểm 6 đến điểm 7 là 1,98m (có sơ đồ kèm theo).

* Phần tách diện tích 20,5m^2, gồm các điểm như sau: Phía Bắc từ điểm 17 đến điểm 18 là 2,75m; phía Đông từ điểm 18 đến điểm A1 là 7,03m; phía Nam từ điểm A1 đến điểm 16 là 2,99m; phía Tây từ điểm 16 đến điểm 17 là 7,28m (có sơ đồ kèm theo).

* Phần đang sử dụng theo hiện trạng diện tích 24,6m^2: Phía Bắc từ điểm C đến điểm 1 là 1,65m; phía Đông từ điểm 1 đến điểm 18 là 11,02m; phía Nam từ điểm 18 đến điểm 17 là 2,75m; phía Tây từ điểm 17 đến điểm A là 0,29m, từ điểm A đến điểm B là 9,88m, từ điểm B đến điểm C là 0,74m (có sơ đồ kèm theo).

2.4.2. Chia cho các đồng thừa kế gồm: Bà Phí Thị H, ông Phí Văn T, chị Bùi Thị T1, anh Bùi Hồng Q, anh Bùi Xuân T3, chị Bùi Thị Thu C, anh Bùi Minh C1, anh Nhâm Gia H2, anh Nhâm Gia H1, chị Phí Thị N, anh Phí Văn N2 quyền sử dụng chung diện tích đất ở 246,5m^2 thuộc thửa đất ở số 272, tờ bản đồ số 12/DC, bản đồ hiện trạng đo đạc năm 2007 tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, có số đo: Phía Bắc: Từ điểm 1 đến 2 là 1,37m; từ điểm 2 đến 3 là 1,07m; từ điểm 3 đến 4 là 1,34m; từ điểm 4 đến 5 là 3,86m; từ điểm 5 đến 6 là 4,75m; từ điểm 6 đến 7 là 1,98m; phía Đông: Từ điểm 7 đến điểm 15 là 19,49m; phía Nam: Từ điểm 15 đến điểm A1 là 11,51m; phía Tây: Từ điểm A1 đến điểm 18 là 7,03m; từ điểm 18 đến điểm 1 là 11,02m (có sơ đồ kèm theo).

Trong đó ông T 24.010.000 đồng, bà H 34.286.000 đồng; chị T1, anh Q, anh T3, chị C, anh C1 24.010.000 đồng; anh H, anh H1 24.010.000 đồng; chị N, anh N2 mỗi người là 6.002.500 đồng

Các đồng thừa kế trên được quyền sở hữu chung các công trình xây dựng gắn liền trên thửa đất gồm: Nhà thờ, sân bê tông, bể nước.

Giao cho ông Phí Văn T là người quản lý thửa đất 272 và toàn bộ các công trình xây dựng, ông Phí Văn T có trách nhiệm thay mặt các đồng thừa kế đóng góp nghĩa vụ thuế (liên quan đến thửa đất trên) với Nhà nước.

2.4.3. Chia cho ông Phí Chí B quyền sử dụng diện tích 330m^2 đất ao tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 12/DC, bản đồ hiện trạng đo đạc năm 2007 tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, có số đo: Phía Bắc từ điểm 7 đến điểm 8 là 12,05m; từ điểm 8 đến điểm 9 là 0,28m; phía Đông từ điểm 9 đến điểm 12 là 23,06m; phía Nam từ điểm 12 đến điểm 13 là 1,86m; từ điểm 13 đến điểm 14 là 13,11m; phía Tây từ điểm 14 đến điểm 15 là 4,02m; từ điểm 15 đến điểm 7 là 19,49m (có sơ đồ kèm theo).

2.4.4. Chia cho anh Phí Văn N2 quyền sử dụng diện tích đất ruộng là 410m^2 thuộc các xứ đồng cùng với diện tích ruộng tiêu chuẩn của ông M và chị N thuộc 03 xứ đồng: Xứ đồng Hạ Nội 615m^2; xứ đồng Hạ Ngoại 465m^2; xứ đồng Cống Đông 340m^2 tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (có sơ đồ kèm theo).

2.5. Bà Phí Thị H có trách nhiệm trả bà Phí Thị Y 5.000.000 đồng. Bà Phí Thị H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Phí Chí B 15.396.600 đồng và thanh toán cho bà Phí Thị V, anh Phí Chí N1 mỗi người 6.002.000 đồng.

2.6. Ông Phí Chí B có trách nhiệm thu dọn các cây trồng trên thửa đất ở 272, gồm: 02 cây bưởi, 01 cây hồng xiêm, 01 cây sung, 01 cây dâu da, 01 cây cau ta, 02 cây mít.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lệ phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18, 20/4/2023, bà Phí Thị H và ông Phí Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị chia di sản thừa kế là diện tích đất ao bằng hiện vật cho các đồng thừa kế.

Ngày 20/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị: sửa một phần bản án sơ thẩm để xác định lại di sản thừa kế đối với phần đất ao và chia di sản thừa kế lại cho các đồng thừa kế.

Tại phiên tòa, bà Phí Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bà và các đồng thừa kế đều có nguyện vọng được chia di sản thừa kế là đất ao bằng hiện vật để khuôn viên nhà thờ được thoáng mát, rộng rãi. Bà H tự nguyện thanh toán ½ giá trị các tài sản là bờ ao, cầu ao do ông B đã san lấp, xây dựng theo giá trị mà Hội đồng định giá đã định giá. Bà và các đồng thừa kế đều thống nhất xác định toàn bộ các di sản thừa kế được chia thuộc sở hữu chung, không chia, chỉ sử dụng vào mục đích để làm đất hương hỏa, thờ cúng tổ tiên, làm nơi tập trung cho các con cháu của cụ Đ, cụ T6 đi về.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phí Chí B trình bày quan điểm tranh luận: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng là không có căn cứ, trái pháp luật vì trong đơn khởi kiện của người khởi kiện đều chỉ yêu cầu chia 330m^2 đất ao nhưng Viện kiểm sát lại đề nghị xác định 58,9m^2 đất ao của ông B đã được quy đổi bằng 20m^2 đất ruộng ngoài đồng là di sản thừa kế của cụ Đ để chia là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm ý kiến của các đồng thừa kế khác. Đất ở và đất nông nghiệp đã được giao toàn bộ cho phía nguyên đơn nên việc Toà án cấp sơ thẩm giao toàn bộ đất ao cho ông B quản lý, sử dụng là hợp lý, bảo đảm quyền và lợi ích công bằng giữa các bên đương sự. Mặc dù, nguyên đơn không kháng cáo bản án nhưng về cách chia đất ở tại bản án sơ thẩm là không hợp lý, bởi tuyên chia cho ông B 59,6m^2, trong đó có 14,5m^2 ông B đã tự mở rộng ngõ đi chung cho các thửa đất của các đồng thừa kế là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Bà H tranh luận: Bà xác định di sản thừa kế là đất ao của cụ Đ để lại là 330m^2, còn diện tích đất ao tăng thêm là 58,9m^2 là đất công, do bố mẹ và các anh

em trong gia đình bà đã lấn chiếm làm bờ ao. Vì vậy, bà H chỉ đề nghị chia di sản thừa kế đối với 330m^2 đất ao, còn diện tích đất ao tăng thêm bà đề nghị giao lại cho các đồng thừa kế quản lý, khi nào Nhà nước có nhu cầu lấy lại thì chấp hành.

Chị T1, bà H đều trình bày: Đối với diện tích đất ở 14,5m^2 do ông B đã tự mở rộng ngõ đi chung nên phải chia phần diện tích đất này cho ông B là đúng pháp luật, chị T1 và bà H không đồng ý quan điểm của Luật sư về việc tách diện tích đất này để làm ngõ đi chung cho các hộ gia đình vì các đồng thừa kế không có nhu cầu sử dụng ngõ đi chung này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng và phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xử chấp nhận kháng cáo bà Phí Thị H, ông Phí Văn T, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình theo hướng: Xác định 330m^2 đất ao là di sản thừa kế để chia, đồng thời chia di sản thừa kế đối với diện tích đất ao bằng hiện vật cho các đồng thừa kế, chia cho bà Phí Thị H, ông Phí Văn T, chị Bùi Thị T1, anh Bùi Hồng Q, anh Bùi Xuân T3, chị Bùi Thị Thu C, anh Bùi Minh C1, anh Nhâm Gia H2, anh Nhâm Gia H1, chị Phí Thị N, anh Phí Văn N2 được sử dụng 165m^2 đất ao, chia cho ông Phí Chí B được sử dụng 165m^2 đất ao. Tách 14,5m^2 đất ở trong tổng diện tích 306,1m^2 đất ở của cụ T6, cụ Đ mà ông B đã tự mở rộng ngõ đi chung để làm ngõ đi chung cho các hộ gia đình trong ngõ. Diện tích đất ở còn lại là 291,6m^2 để chia thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của ông Phí Văn T, bà Phí Thị H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình làm trong hạn luật định nên được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo, kháng nghị thấy:

[2.1] Về xác định di sản thừa kế:

[2.1.1] Đối với diện tích đất ở: Thửa đất số 286, tờ bản đồ 04/DC diện tích 295m^2, loại đất T mang tên cụ T6, cụ Đ. Theo đo đạc hiện trạng ngày 08/11/2022

diện tích còn lại là 267m^2, giảm 40,1m^2 là do: 14,5m^2 ông B tự mở rộng ngõ đi chung và 24,6m^2 mở rộng ngõ vào nhà ông B và 0,9m^2 là do sai số đo đạc. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm lại chia cho ông B được quyền hưởng thừa kế 14,5m^2 mà ông B đã tự mở rộng ngõ đi chung cho các hộ gia đình, đồng thời chia đất ở cho các đồng thừa kế bên phía bà Phí Thị H nhưng không có lối đi, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Do vậy, phải tách 14,5m^2 đất ở trong tổng diện tích đất ở 306,1m^2 của cụ T6, cụ Đ để lại để làm ngõ đi chung cho các hộ gia đình, nên di sản thừa kế của các cụ để lại còn là (306,1m^2 – 14,5m^2) = 291,6m^2 để chia thừa kế.

[2.1.2] Đối với diện tích đất ao: Theo biên bản xác minh ngày 13/7/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Đông Á thể hiện, theo bản đồ 299 năm 1984 và sổ mục kê, thửa đất số 287, diện tích 330m^2 loại đất ao mang tên cụ Phí Văn T6, một mặt giáp thửa đất ở số 286 của cụ T6, một mặt giáp thửa đất của ông Nhâm Sỹ Xứng, một mặt giáp ngõ đi chung và một mặt giáp với thửa ao số 288. Thửa ao số 288, diện tích 445m^2 là đất thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân xã Đông Á. Từ sau năm 1993, thì các hộ gia đình gồm ông Phí Chí B, ông Nhâm Sỹ Xứng đã san lấp một phần diện tích đất ao thuộc thửa ao số 288 để làm bờ ao và xây dựng công trình, nhà ở, nên diện tích đất ao số 288 hiện tại chỉ còn thể hiện là mương tiêu nhỏ chạy dài các thửa đất. Theo sổ quy chủ, ruộng ngoài đồng của ông Phí Chí B được chia ruộng theo Quyết định 652 thì ông B có 05 khẩu ruộng là 2.620m^2, trong đó có 20m^2 ruộng được quy đổi và đối trừ từ 60m^2 đất ao ông B đã lấn chiếm diện tích đất ao của Ủy ban nhân dân xã Đông Á. Do vậy, có căn cứ để xác định trong tổng số diện tích đất ao đo đạc theo hiện trạng là 402,4m^2, thì có: 58,9m^2 là của ông Phí Chí B đã bị đối trừ diện tích đất ruộng ngoài đồng và 13,8m^2 đất ông B đã sử dụng để mở rộng ngõ đi chung cho các hộ gia đình, nên di sản thừa kế là đất ao của cụ T6, cụ Đ còn lại là 330m^2 để chia thừa kế là đúng pháp luật. Mặt khác, các đồng thừa kế đều xác định di sản thừa kế là đất ao của cụ Đ để lại có diện tích là 330m^2 và chỉ đề nghị chia đối với diện tích đất ao này. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chia toàn bộ diện tích đất ao cho ông B trong khi các đồng thừa kế khác cũng có nguyện vọng được chia di sản bằng hiện vật do có diện tích đất ở liền kề đã được chia và diện tích đất ao đó có thể chia bằng hiện vật. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo, kháng nghị để chia lại đất ao bằng hiện vật cho các đồng thừa kế là phù hợp. Do diện tích ao ông B đã lấn chiếm và xây dựng bờ ao kéo dài cả mặt tiền thửa ao số 267, nên cần chia đôi thửa ao, chia cho phía các đồng thừa kế phía bà Phí Thị H phần diện tích đất ao giáp với diện tích đất ở, đã xây dựng nhà thờ chạy thẳng ra mặt đường thôn, diện tích là 165m^2 và chia cho ông B được sử dụng 165m^2 còn lại.

Do bờ ao xung quanh thửa ao và cầu ao là của ông B xây dựng, nên nếu chia cho phía bà H được sử dụng phần diện tích ao có bờ ao, cầu ao thì bà H phải thanh toán cho ông B giá trị các tài sản mà phía bà H được chia. Tại phiên toà, bà H tự nguyện và đồng ý thanh toán cho ông B ½ giá trị bờ ao và toàn bộ giá trị cầu ao cho ông B theo kết luận định giá tài sản nên cần ghi nhận sự tự nguyện này. Toàn bộ diện tích đất ao ông B đang sử dụng để thả cá, nên buộc ông B phải thu hoạch toàn bộ số thủy hải sản trong phần đất ao chia cho phía bà H để trả mặt bằng ao cho các đồng thừa kế.

[2.2] Do có sự thay đổi về việc xác định lại di sản thừa kế và cách chia di sản thừa kế, nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm như sau:

[2.2.1] Xác định di sản thừa kế của cụ Phí Chí N4 và cụ Hoàng Thị Đ gồm: Quyền sử dụng diện tích 291,6m^2 đất ở tại thửa đất số 272, tờ bản đồ số 12/DC ở thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, có trị giá: 291,6m^2 x 480.000 đồng/m^2 = 139.968.000 đồng; bể nước trị giá 63.000 đồng. Di sản thừa kế của cụ Hoàng Thị Đ gồm: Quyền sử dụng diện tích 330m^2 đất ao tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 12/DC ở thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, có trị giá: 330m^2 x 42.000 đồng/m^2 = 13.860.000 đồng và quyền sử dụng đất ruộng tiêu chuẩn diện tích 410m^2 x 42.000 đồng/m^2 = 17.220.000 đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế là: 171.111.000 đồng.

[2.2.2] Về công sức giữ gìn, quản lý di sản thừa kế của ông Phí Chí B từ năm 2006 đến thời điểm chia thừa kế được xác định bằng ½ suất thừa kế, bởi ông B không tu bổ, tôn tạo gì đối với khối di sản này mà chỉ là người quản lý di sản.

[2.2.3] Về hàng thừa kế: Toà án cấp sơ thẩm đã xác định những người được hưởng thừa kế là đúng pháp luật. Đối với bà V đã biệt tích nên không có quan điểm về việc hưởng thừa kế của ông M, còn anh N1 không có quan điểm về việc chia thừa kế và hưởng thừa kế của ông M, do vậy phần di sản thừa kế của bà V, anh N1 được chia bằng giá trị. Phần di sản thừa kế của bà V được chia cần giao cho anh N2 (con trai bà V) quản lý.

[2.2.4] Về phân chia di sản thừa kế: Cụ T6, cụ Đ chết không để lại di chúc nên di sản được chia thừa kế theo pháp luật, mọi người trong hàng thừa kế thứ nhất được chia 1 suất thừa kế bằng nhau. Công sức giữ gìn, quản lý di sản thừa kế của ông B được xác định bằng ½ suất thừa kế, do đó di sản thừa kế được chia T4 7,5 suất thừa kế. Tổng giá trị di sản thừa kế là 171.111.000 đồng : 7,5 suất thừa kế = 22.814.800 đồng/suất thừa kế (làm tròn T4 22.814.000 đồng). Đối với đất ở, diện tích là 291,6m^2 : 7,5 suất = 38,88m^2/suất. Đối với đất ao, diện tích là 330m^2 : 7,5 suất = 44m^2/suất. Bà Phí Thị Y nhường phần hưởng di sản thừa kế của bà cho ông Phí Chí B, không yêu cầu ông B phải thanh toán giá trị di sản cho bà Y, vì vậy ông

B được chia 2,5 suất thừa kế. Đối với 05 suất thừa kế là đất ở, đất ao thì giao cho bà Phí Thị H, ông Phí Văn T, chị Bùi Thị T1, anh Bùi Hồng Q, anh Bùi Xuân T3, chị Bùi Thị Thu C, anh Bùi Minh C1, anh Nhâm Gia H2, anh Nhâm Gia H1, chị Phí Thị N, anh Phí Văn N2 được quyền sở hữu, sử dụng chung để làm nơi thờ cúng, không chia, giao cho ông Phí Văn T là người trực tiếp quản lý di sản thừa kế được chia. Các đồng thừa kế thống nhất giao cho anh Phí Văn N2 được quyền sử dụng toàn bộ di sản thừa kế là diện tích 410m^2 đất ruộng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phí Thị H về việc tự nguyện thanh toán giá trị ½ suất thừa kế cho bà Phí Thị V và anh Phí Văn N1, thanh toán chênh lệch giá trị di sản phần thừa kế mà ông Phí Chí B được chia. Bà Phí Thị H tự nguyện thanh toán ½ giá trị tài sản cho ông B đối với bờ ao, cầu ao do ông B san lấp, xây dựng. Ông B đồng ý trả bà H 155.400 đồng là tiền bà H đã nộp sản năm 2022. Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và nhu cầu sử dụng đất của ông Phí Chí B nên chia cho ông B một phần diện tích đất ở theo hiện trạng mà ông B đã lấn chiếm đất ở của cụ T6, cụ Đ để mở rộng sân, ngõ nhà ông B kéo dài hết thửa đất. Cụ thể việc phân chia thừa kế và thanh toán chênh lệch như sau:

[2.2.4.1] Chia di sản là đất ở và tài sản trên đất là bể nước như sau: Ông B được chia 2,5 suất thừa kế x 38,88m^2/suất = 97,2m^2 x 480.000 đồng/m^2 = 46.656.000 đồng nhưng ông B chỉ được chia bằng hiện vật là quyền sử dụng 45,1m^2 đất ở, trị giá: 21.648.000 đồng. Bà H, ông T, chị T1, anh Q, anh T3, chị C, anh C1, anh H2, anh H1, chị N, anh N2 được chia 5 suất thừa kế x 38,88m^2/suất = 194,4m^2 x 480.000 đồng/m^2 = 93.312.000 đồng nhưng bà H, ông T, chị T1, anh Q, anh T3, chị C, anh C1, anh H2, anh H1, chị N, anh N2 được chia sử dụng 246,5m^2, trị giá 118.320.000 đồng + bể nước. Bể nước trị giá 63.000 đồng : 7,5 suất = 8.400 đồng/suất. Vì vậy, bà H phải thanh toán chênh lệch giá trị di sản đất ở cho ông B là (46.656.000 đồng - 21.648.000 đồng) = 25.008.000 đồng và 21.000 đồng giá trị bể nước, tổng là 25.029.000 đồng. Bà H phải thanh toán cho bà V, anh N1 giá trị ½ suất thừa kế đất ở là: 38,88m^2 : 2 = 19,44m^2 x 480.000 đồng = 9.331.200 đồng và 4.200 đồng giá trị bể nước, tổng là: 9.335.400 đồng, mỗi người được thanh toán là 4.667.700 đồng.

[2.2.4.2] Chia di sản là đất ao như sau: Ông B được chia 2,5 suất thừa kế x 44m^2/suất = 110m^2 x 42.000 đồng/m^2 = 4.620.000 đồng nhưng ông B được chia bằng hiện vật là quyền sử dụng 165m^2 đất ao, trị giá: 6.930.000 đồng. Bà H, ông T, chị T1, anh Q, anh T3, chị C, anh C1, anh H2, anh H1, chị N, anh N2 được chia 5 suất thừa kế x 44m^2/suất = 220m^2 x 42.000 đồng/m^2 = 9.240.000 đồng nhưng bà H, ông T, chị T1, anh Q, anh T3, chị C, anh C1, anh H2, anh H1, chị N, anh N2 chỉ

được chia quyền sử dụng 165m^2 đất ao, trị giá: 6.930.000 đồng. Vì vậy, ông B phải thanh toán chênh lệch giá trị di sản cho bà H là (6.930.000 đồng - 4.620.000 đồng) = 2.310.000 đồng. Bà H phải thanh toán cho bà V, anh N1 giá trị ½ suất thừa kế là 44m^2 : 2 = 22m^2 x 42.000 đồng = 924.000 đồng, mỗi người là 462.000 đồng.

[2.2.4.3] Chia di sản là đất ruộng như sau: Ông B được chia 2,5 suất thừa kế x 54,66m^2/suất = 136,65m^2 x 42.000 đồng/m^2 = 5.739.300 đồng (làm tròn là 5.739.000 đồng). Toàn bộ diện tích đất ruộng các đồng thừa kế đều thống nhất chia cho anh Phí Chí N2 được quyền sử dụng, trị giá 17.220.000 đồng. Bà H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho ông B là 5.739.000 đồng. Bà H phải thanh toán cho bà V, anh N1 giá trị ½ suất thừa kế là 54,66m^2 : 2 = 27,33m^2 x 42.000 đồng = 1.147.860 đồng (làm tròn T4 1.148.000 đồng), mỗi người được thanh toán là 574.000 đồng.

[2.2.4.4] Đối với phần diện tích đất ao bà H, ông T, chị T1, anh Q, anh T3, chị C, anh C1, anh H2, anh H1, chị N, anh N2 được chia 165m^2, trong đó có phần diện tích bờ ao, cầu ao do ông B san lấp, xây dựng, bà H tự nguyện thanh toán ½ giá trị bờ ao và toàn bộ giá trị cầu ao cho ông B theo giá trị mà hội đồng định giá đã định giá. Bao gồm ½ giá trị bờ ao là: Xây bờ ao trị giá 11.502.000 đồng + Trát bờ ao trị giá: 6.989.000 đồng + Móng bờ ao trị giá: 5.581.000 đồng = 24.072.000 đồng : 2 = 12.036.000 đồng và toàn bộ giá trị cầu ao là: 917.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bà H phải thanh toán cho ông B là: 12.953.000 đồng.

[2.2.4.5] Số tiền các bên phải thanh toán cho nhau là: Ông B phải thanh toán chênh lệch cho bà H giá trị di sản đất ao là 2.310.000 đồng + tiền bà H đã nộp sản năm 2022 cho cụ Đ 155.400 đồng = 2.465.400 đồng. Bà H phải thanh toán chênh lệch cho ông B giá trị đất ở là 25.008.000 đồng + giá trị bể nước 21.000 đồng + giá trị đất ruộng là 5.739.000 đồng + giá trị ½ bờ ao 12.036.000 đồng + giá trị cầu ao 917.000 đồng = 43.721.000 đồng. Đối trừ số tiền ông B phải thanh toán cho bà H, thì bà H còn phải thanh toán cho ông B là 43.721.000 đồng - 2.465.400 đồng = 41.255.600 đồng (làm tròn thành 41.255.000 đồng). Bà H phải thanh toán cho bà V và anh N1 mỗi người là: giá trị đất ở và giá trị bể nước 4.667.500 đồng + giá trị đất ao 462.000 đồng + giá trị đất ruộng là 574.000 đồng = 5.703.700 đồng (làm tròn thành 5.704.000 đồng). Phần thanh toán cho bà V giao cho anh Phí Văn N2 (con trai bà V) quản lý.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Phí Thị H, ông Phí Văn T được chấp nhận nên bà H, ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do phân chia lại di sản thừa kế, nên cần sửa lại án phí dân sự sơ thẩm. Bà H, ông B là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà H tự nguyện chịu án phí cho

ông T, chị T1, anh Q, anh T3, chị C, anh C1, anh H2, anh H1, chị N, anh N2, bà V, anh N1 là (22.815.000 đồng x 4) x 5% = 4.563.000 đồng. Ông Phí Chí B tự nguyện chịu án phí phần giá trị di sản thừa kế bà Phí Thị Y cho ông B là 22.815.000 đồng x 5% = 1.140.750 đồng (làm tròn thành 1.140.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phí Thị H, ông Phí Văn T. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, sửa Bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

1.1. Áp dụng: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 156, Điều 165, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phí Thị H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phí Chí N4 (Phí Văn T6) và cụ Hoàng Thị Đ theo pháp luật.

1.2.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Phí Chí N4 và cụ Hoàng Thị Đ gồm:

- Di sản thừa kế của cụ Phí Chí N4 và cụ Hoàng Thị Đ: Quyền sử dụng diện tích 306.1m^2 đất ở tại thửa đất số 272, tờ bản đồ số 12/DC ở thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, có trị giá 146.928.000 đồng và 01 bể nước trị giá 63.000 đồng.

- Di sản thừa kế của cụ Hoàng Thị Đ: Quyền sử dụng diện tích 330m^2 đất ao tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 12/DC ở thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, có trị giá 13.860.000 đồng và quyền sử dụng 410m^2 đất nông nghiệp trị giá 17.220.000 đồng.

1.2.2. Về công sức giữ gìn, quản lý di sản thừa kế của ông Phí Chí B được hưởng bằng ½ suất thừa kế.

1.2.3. Tách 14,5m^2 đất ở trong diện tích 306,1m^2 đất ở là di sản thừa kế của cụ N4 và cụ Đ để làm ngõ đi chung cho các hộ gia đình ông Phí Chí B và các đồng thừa kế gồm bà Phí Thị H, ông Phí Văn T, chị Bùi Thị T1, anh Bùi Hồng Q, anh Bùi Xuân T3, chị Bùi Thị Thu C, anh Bùi Minh C1, anh Nhâm Gia H2, anh Nhâm Gia H1, chị Phí Thị N, anh Phí Văn N2. Diện tích đất tách làm ngõ đi chung có tứ cận như sau: Phía Tây từ điểm C đến điểm J dài 1.27m, từ điểm J đến điểm K dài

1.34m; phía Bắc từ điểm K đến điểm L dài 14.53m; phía Đông từ điểm L đến điểm 7 dài 0.70m; phía Nam từ điểm 1 đến điểm 2 dài 1.37m, từ điểm 2 đến điểm 3 dài 1.07m, từ điểm 3 đến điểm 4 dài 1.34m, từ điểm 4 đến điểm 5 dài 3.86m, từ điểm 5 đến điểm 6 dài 4.75m, từ điểm 6 đến điểm 7 dài 1.98m *(có sơ đồ kèm theo).*

1.2.4. Chia di sản thừa kế của của cụ Phí Chí N4 và cụ Hoàng Thị Đ gồm 291.6m^2 đất ở, 330m^2 đất ao và 410m^2 đất ruộng cho những người được hưởng thừa kế sau:

1.2.4.1. Chia cho ông Phí Chí B quyền sử dụng 45,1m^2 đất ở, thể hiện trên sơ đồ đo đạc ký hiệu thửa 272/2, có tứ cận: Phía Đông từ điểm A1 đến điểm điểm 01 dài 7.03m + 11.02m; phía Tây từ điểm 16 đến điểm C dài 7.28m + 0.29m + 9.88m + 0.74m; phía Nam từ điểm 16 đến điểm A1 dài 2.99m; phía Bắc từ điểm 1 đến điểm C dài 1.65m *(có sơ đồ kèm theo).*

1.2.4.2. Chia cho các đồng thừa kế gồm: Bà Phí Thị H, ông Phí Văn T, chị Bùi Thị T1, anh Bùi Hồng Q, anh Bùi Xuân T3, chị Bùi Thị Thu C, anh Bùi Minh C1, anh Nhâm Gia H2, anh Nhâm Gia H1, chị Phí Thị N, anh Phí Văn N2 quyền sử dụng chung, không chia diện tích 246.5m^2 đất ở, thể hiện trên sơ đồ đo đạc ký hiệu thửa 272/1, có tứ cận: Phía Bắc từ điểm 1 đến điểm 7 dài 1.37m + 1.07m + 1.34m + 3.86m + 4.75m + 1.98m; phía Đông từ điểm 7 đến điểm 15 dài 19.49m; phía Nam từ điểm 15 đến điểm A1 dài 11.51m; phía Tây từ điểm A1 đến điểm 1 dài 7.03m + 11.02m *(có sơ đồ kèm theo)*.

Các đồng thừa kế trên được quyền sở hữu chung, không chia các công trình xây dựng gắn liền trên thửa đất gồm: Nhà thờ, sân bê tông, bể nước. Giao cho ông Phí Văn T là người quản lý thửa đất 272/1 và toàn bộ các công trình xây dựng, ông Phí Văn T có trách nhiệm thay mặt các đồng thừa kế đóng góp nghĩa vụ thuế (liên quan đến thửa đất trên) với Nhà nước.

1.2.4.3. Chia cho ông Phí Chí B được quyền sử dụng diện tích 165m^2 đất ao và được quyền sử dụng 58,9m^2 đất ao ông B đã lấn chiếm để làm bờ ao, đã được quy đổi, đối trừ từ diện tích đất ruộng ngoài đồng. Tổng diện tích đất ao của ông B là: 223.9m^2, thể hiện trên sơ đồ đo đạc ký hiệu thửa 269/2, có tứ cận: Phía Bắc từ điểm A2 đến điểm A3 – A4 dài 14.13m + 2.60m; phía Đông từ điểm điểm A4 đến điểm 11 dài 12.50m; phía Nam từ điểm 11 đến điểm 12 – 13 – 14 dài 2.54m + 1.86m + 13.11m; phía Tây từ điểm 14 đến điểm 15 – A2 dài 4.02m + 8.90m *(có sơ đồ kèm theo)*.

1.2.4.4. Chia cho các đồng thừa kế gồm: Bà Phí Thị H, ông Phí Văn T, chị Bùi Thị T1, anh Bùi Hồng Q, anh Bùi Xuân T3, chị Bùi Thị Thu C, anh Bùi Minh C1, anh Nhâm Gia H2, anh Nhâm Gia H1, chị Phí Thị N, anh Phí Văn N2 quyền sử dụng chung, không chia diện tích 165m^2 đất ao, thể hiện trên sơ đồ đo đạc ký hiệu thửa

269/1, có tứ cận: Phía Bắc từ điểm 7 đến điểm 8 – 9 – P – 10 dài 12.05m + 0.28m + 0.58m + 2.14m; phía Đông từ điểm 10 đến điểm A4 dài 9.94m; phía Nam từ điểm A4 đến điểm A3 – A2 dài 2.60m + 14.13m; phía Tây từ điểm A2 đến điểm 7 dài 10.59m *(có sơ đồ kèm theo).*

1.2.4.5. Chia cho anh Phí Văn N2 quyền sử dụng diện tích đất ruộng là 410m^2 thuộc các xứ đồng cùng với diện tích ruộng tiêu chuẩn của ông M và chị N thuộc 03 xứ đồng: xứ đồng Hạ Nội: 615m^2; xứ đồng Hạ Ngoại: 465m^2; xứ đồng Cống Đông: 340m^2 tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình *(có sơ đồ kèm theo).*

1.2.5. Bà Phí Thị H có trách nhiệm trả bà Phí Thị Y 5.000.000 đồng. Bà Phí Thị H phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Phí Chí B 41.255.000 đồng. Thanh toán chênh lệch tài sản cho cho anh Phí Văn N1 5.704.000 đồng. Thanh toán chênh lệch tài sản cho cho bà Phí Thị V 5.704.000 đồng, số tiền này giao cho anh Phí Văn N2 (con trai bà V) quản lý, khi nào bà V có yêu cầu thì anh N2 có nghĩa vụ giao lại số tiền này cho bà V.

1.2.6. Ông Phí Chí B có trách nhiệm thu dọn các cây trồng trên diện tích đất ở gồm: 02 cây bưởi, 01 cây hồng xiêm, 01 cây sung, 01 cây dâu da, 01 cây cau ta, 02 cây mít và thu hoạch thuỷ hải sản nuôi trong diện tích đất ao đã chia cho các đồng thừa kế để trả lại mặt bằng đất ao cho các đồng thừa kế.

1.2.7. Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phí Thị H, ông Phí Chí B. Bà Phí Thị H phải nộp án phí sơ thẩm cho ông Phí Văn T, chị Bùi Thị T1, anh Bùi Hồng Q, anh Bùi Xuân T3, chị Bùi Thị Thu C, anh Bùi Minh C1, anh Nhâm Gia H2, anh Nhâm Gia H1, chị Phí Thị N, anh Phí Văn N2, anh Phí Chí N1 và bà Phí Thị V là 4.563.000 đồng. Bà H đã nộp 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003140 ngày 07/07/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình nên trả lại bà H 5.437.000 đồng. Ông Phí Chí B phải nộp án phí sơ thẩm cho bà Phí Thị Y là 1.140.000 đồng.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Phí Thị H và ông Phí Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại ông Phí Văn T 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai nộp tiền số 0003233 ngày 07/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền phải thi

hành án thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 12/9/2023.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND h. Đông Hưng;
- Chi cục THADS h. Đông Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà